

1. PHƯƠNG TIỆN (VEHICLE)

Biển đăng ký: **60S-4780** Số quản lý: 6004D-010475
(Registration Number) (Vehicle Inspection No.)

Loại phương tiện: (Type) ô tô khách

Nhãn hiệu: (Mark) HYUNDAI

Số loại: (Model code) AEROHISPACE

Số máy: (Engine Number) D6CB6119252

Số khung: (Chassis Number) KMJRL18TP6C004364

Năm, Nước sản xuất: 2006, Hàn Quốc Niên hạn SD: 2026
(Manufactured Year and Country) (Lifetime limit to)

Kinh doanh vận tải (Commercial Use) Cải tạo (Modification)

2. THÔNG SỐ KỸ THUẬT (SPECIFICATIONS)

Công thức bánh xe: 4x2 Vết bánh xe: 2050/1860 (mm)
(Wheel Formula) (Wheel Tread)

Kích thước bao: (Overall Dimension) 12050 x 2490 x 3235 (mm)

KT khoang hành lý lớn nhất (Largest luggage container dimension)
1400x2200x550 (mm)

Chiều dài cơ sở: (Wheelbase) 6500 (mm)

Khối lượng bản thân: (Kerb mass) 11755 (kg)

Khối lượng hàng CC theo TK/CP TGGT: (kg)
(Design/Authorized pay load)

Khối lượng toàn bộ theo TK/CP TGGT: 14745/14745 (kg)
(Design/Authorized total mass)

Khối lượng kéo theo TK/CP TGGT: (kg)
(Design/Authorized towed mass)

Số người cho phép chở: 46 chỗ ngồi, 0 chỗ đứng, 0 chỗ nằm
(Permissible No. of Pers Carried: seat, stood place, laying place)

Loại nhiên liệu: (Type of Fuel Used) Diesel

Thể tích làm việc của động cơ: (Engine Displacement) 12344 (cm³)

Công suất lớn nhất/tốc độ quay: (Max. output/rpm) 235(kW)/1900(vp)

Số sê-ri: (No.) **DB-3344050** 5FA1695F

Số lượng lốp, cỡ lốp/trục (Number of tires; Tire size/axle)

1: 2; 12R22.5

2: 4; 12R22.5

Bình Dương, ngày 3 tháng 8 năm 2024

Số phiếu kiểm định (Issued on: Day/Month/Year)

(Inspection Report No) 6112D-27532/24

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH Ô TÔ (INSPECTION CENTER)

Có hiệu lực đến hết ngày

(Valid until) 02/11/2024



Có lắp thiết bị giám sát hành trình (Equipped with Tachograph)

Có lắp camera (Equipped with camera)

Không cấp tem kiểm định (Inspection stamp was not issued)

Ghi chú:

CHỦ PHƯƠNG TIỆN, LÁI XE CẦN BIẾT

Vehicle owners, drivers are to be aware of the followings:

1. Khi tham gia giao thông phải mang theo Giấy chứng nhận kiểm định. Nộp lại Giấy chứng nhận kiểm định và Tem kiểm định khi có thông báo thu hồi của các Đơn vị đăng kiểm.

When operating a vehicle in traffic, the certificate of inspection must be displayed. Return certificate and inspection sticker when receiving a withdrawal notice from the Inspection Center.

2. Lái xe khi lưu hành qua cầu, hầm đường bộ phải tuân thủ các biển báo hiệu đường bộ đặt trước công trình.

When passing the bridges, road tunnels, drivers must comply with road warning signs put forward its.

3. Thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa nhằm duy trì tình trạng kỹ thuật của xe giữa hai kỳ kiểm định.

During two consecutive inspections, perform maintenance and repairs to maintain the vehicle's technical condition.

4. Khi có thay đổi thông tin hành chính, thông số kỹ thuật phải đến Đơn vị đăng kiểm để được hướng dẫn làm thủ tục ghi nhận thay đổi.

When roaming, transfer of vehicle ownership, renovation, modification of frame (chassis) or changing of engine No, ... the concerned Inspection Center (Vietnam Register) should be notified for instructions and the required procedures are to be followed.

5. Xe cơ giới bị tai nạn giao thông đến mức không đảm bảo an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định phải sửa chữa, khắc phục và đến Đơn vị đăng kiểm để kiểm định lại.

A motor vehicle which is damaged by accident and the requirements for technical safety and environment protection are not assured, is to be repaired and brought for re-inspection at an Inspection Center.

6. Giấy chứng nhận kiểm định không sử dụng làm căn cứ khi chuyển nhượng phương tiện.

A certificate of inspection should not be used as a basic for transferring vehicle.

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM

MOT – Vietnam Register

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ

PERIODICAL INSPECTION CERTIFICATE
OF MOTOR VEHICLE FOR COMPLIANCE WITH TECHNICAL SAFETY
AND ENVIRONMENTAL PROTECTION REQUIREMENTS

No: DB 3344050

Tên chủ xe (Owner's full name):

NHÀ MÁY HOA CHẤT BIÊN HÒA

Số máy (Engine N^o):

D6CB6119252

Địa chỉ (Address):

Đường Số 5 KCN Biên Hòa 1

Số khung (Chassis N^o):

18TP6C004364

Nhãn hiệu (Brand):

HYUNDAI

Tên động cơ (B. of E.):

Loại xe (Type):

Khách

Dung tích (Capacity): 12344

Màu sơn (Color):

Trắng

Công suất (Horsepower): 235

Năm sản xuất (Year of manufacture): 2006

Tự trọng (Empty weight): 11755

Kích thước bao: -Dài (Length):

12050

m; Rộng (Width):

2490

m; Cao (Height):

3235

Overall dimension

Tải trọng: Số chỗ ngồi (Sit):

4

Đứng (Stand):

nằm (Lie):

Hàng hoá: kg

Gross weight: Seat capacity

Goods:

Đăng ký xe có giá trị đến ngày

tháng

năm

Valid until

date

Biển số đăng ký

Đồng Nai, ngày (date)

14 tháng

10 năm

2009

(N^o Plate)

60S-4780

Trương phòng

Đăng ký lần đầu ngày:

Date of first registration

14/10/2009



Trương Văn Tuấn Anh

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

CÔNG AN TỈNH ĐỒNG NAI
DONG NAI PROVINCE'S PUBLIC SECURITY
PHÒNG CẢNH SÁT GIAO THÔNG
THE TRAFFIC POLICE DIVISION

ĐĂNG KÝ XE Ô TÔ
MOTOR VEHICLE REGISTRATION CERTIFICATE

Số (Number): 025941

Mẫu 05 BH theo TT
số 01/2007/TT-BCA(C11) ngày 02/01/2007

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

CÔNG AN TỈNH ĐỒNG NAI
DONG NAI PROVINCE'S PUBLIC SECURITY
PHÒNG CẢNH SÁT GIAO THÔNG
THE TRAFFIC POLICE DIVISION



ĐĂNG KÝ XE Ô TÔ

MOTOR VEHICLE REGISTRATION CERTIFICATE

Số (Number): 025941

Mẫu 05 BH theo TT
số 01/2007/TT-BCA(C11) ngày 02/01/2007

Tên chủ xe (Owner's full name):

NHA MAY HOA CHAT BIEN HOA

Số máy (Engine N°):

D6CB6119252

Địa chỉ (Address):

Đường Số 5 KCN Biên Hòa 1

Số khung (Chassis N°):

18TP6C004364

Nhãn hiệu (Brand):

HYUNDAI

Tên động cơ (B. of E.):

12344

Loại xe (Type):

Khách

Dung tích (Capacity):

235

Màu sơn (Color):

Trắng

Công suất (Horsepower):

11755

Năm sản xuất (Year of manufacture): **2006**

Tự trọng (Empty weight):

11755

Kích thước bao: -Dài (Length):

12050

m; Rộng (Width):

2490

m; Cao (Height):

3235

Overall dimension

Tải trọng: Số chỗ ngồi (Sit):

4

Gross weight: Seat capacity

Đứng (Stand):

nằm (Lie):

Hàng hoá:

kg

Goods:

Đăng ký xe có giá trị đến ngày

tháng

năm

Valid until

date

Biển số đăng ký

(N° Plate)

60S-4780

Đồng Nai, ngày (date)

14 tháng

10 năm

2009

Trưởng phòng



Trưởng Phòng Cảnh Sát Giao Thông

Đăng ký lần đầu ngày:

Date of first registration

14/10/2009

1. PHƯƠNG TIỆN (VEHICLE)

Biển đăng ký: **60S-4780** Số quản lý: 6004D-010475
(Registration Number) (Vehicle Inspection No.)

Loại phương tiện: (Type) ô tô khách

Nhãn hiệu: (Mark) HYUNDAI

Số loại: (Model code) AEROHISPACE

Số máy: (Engine Number) D6CB6119252

Số khung: (Chassis Number) KMJRL18TP6C004364

Năm, Nước sản xuất: 2006, Hàn Quốc Niên hạn SD: 2026
(Manufactured Year and Country) (Lifetime limit to)

Kinh doanh vận tải (Commercial Use) Cải tạo (Modification)

2. THÔNG SỐ KỸ THUẬT (SPECIFICATIONS)

Công thức bánh xe: 4x2 Vết bánh xe: 2050/1860 (mm)
(Wheel Formula) (Wheel Tread)

Kích thước bao: (Overall Dimension) 12050 x 2490 x 3235 (mm)

KT khoang hành lý lớn nhất (Largest luggage container dimension)
1400x2200x550 (mm)

Chiều dài cơ sở: (Wheelbase) 6500 (mm)

Khối lượng bản thân: (Kerb mass) 11755 (kg)

Khối lượng hàng CC theo TK/CP TGGT: (kg)
(Design/Authorized pay load)

Khối lượng toàn bộ theo TK/CP TGGT: 14745/14745 (kg)
(Design/Authorized total mass)

Khối lượng kéo theo TK/CP TGGT: (kg)
(Design/Authorized towed mass)

Số người cho phép chở: 46 chỗ ngồi, 0 chỗ đứng, 0 chỗ nằm
(Permissible No. of Pers Carried: seat, stood place, laying place)

Loại nhiên liệu: (Type of Fuel Used) Diesel

Thể tích làm việc của động cơ: (Engine Displacement) 12344 (cm³)

Công suất lớn nhất/tốc độ quay: (Max. output/rpm) 235(kW)/1900

Số sê-ri: (No.) **DB-2304862** 9A38B2AD

Số lượng lốp, cỡ lốp/trục (Number of tires; Tire size/axle)

1: 2; 12R22.5

2: 4; 12R22.5

Bình Dương, ngày 11 tháng 5 năm 2024

Số phiếu kiểm định (Issued on: Day/Month/Year)

(Inspection Report No.) 6112D-13855/24

ĐƠN VỊ KIỂM ĐỊNH (INSPECTION CENTER)

Có hiệu lực đến hết ngày

(Valid until) 10/08/2024



Có lắp thiết bị giám sát hành trình (Equipped with Tachograph)

Có lắp camera (Equipped with camera)

Không cấp tem kiểm định (Inspection stamp was not issued)

Ghi chú:

CHỦ PHƯƠNG TIỆN, LÁI XE CẦN BIẾT

Vehicle owners, drivers are to be aware of the followings:

1. Khi tham gia giao thông phải mang theo Giấy chứng nhận kiểm định. Nộp lại Giấy chứng nhận kiểm định và Tem kiểm định khi có thông báo thu hồi của các Đơn vị đăng kiểm.

When operating a vehicle in traffic, the certificate of inspection must be displayed. Return certificate and inspection sticker when receiving a withdrawal notice from the Inspection Center.

2. Lái xe khi lưu hành qua cầu, hầm đường bộ phải tuân thủ các biển báo hiệu đường bộ đặt trước công trình.

When passing the bridges, road tunnels, drivers must comply with road warning signs put forward its.

3. Thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa nhằm duy trì tình trạng kỹ thuật của xe giữa hai kỳ kiểm định.

During two consecutive inspections, perform maintenance and repairs to maintain the vehicle's technical condition.

4. Khi có thay đổi thông tin hành chính, thông số kỹ thuật phải đến Đơn vị đăng kiểm để được hướng dẫn làm thủ tục ghi nhận thay đổi.

When roaming, transfer of vehicle ownership, renovation, modification of frame (chassis) or changing of engine No, ... the concerned Inspection Center (Vietnam Register) should be notified for instructions and the required procedures are to be followed.

5. Xe cơ giới bị tai nạn giao thông đến mức không đảm bảo an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định phải sửa chữa, khắc phục và đến Đơn vị đăng kiểm để kiểm định lại.

A motor vehicle which is damaged by accident and the requirements for technical safety and environment protection are not assured, is to be repaired and brought for re-inspection at an Inspection Center.

6. Giấy chứng nhận kiểm định không sử dụng làm căn cứ khi chuyển nhượng phương tiện.

A certificate of inspection should not be used as a basic for transferring vehicle.

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM
MOT – Vietnam Register

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ

PERIODICAL INSPECTION CERTIFICATE
OF MOTOR VEHICLE FOR COMPLIANCE WITH TECHNICAL SAFETY
AND ENVIRONMENTAL PROTECTION REQUIREMENTS

No: DB 2304862

Tên chủ xe (Owner's full name): **NHÀ MÁY HOA CHẤT BIÊN HOA** Số máy (Engine No): **D6CB6119252**
Địa chỉ (Address): **Đường Số 5 KCN Biên Hòa 1** Số khung (Chassis No): **18TP6C004364**
Nhân hiệu (Brand): **HYUNDAI** Tên động cơ (B. of E.): **Khách** Dung tích (Capacity): **12344**
Loại xe (Type): **Khách** Công suất (Horsepower): **235**
Màu sơn (Color): **Trắng** Năm sản xuất (Year of manufacture): **2006** Tự trọng (Empty weight): **11755**
Kích thước bao: -Dài (Length): **12050** mm -Rộng (Width): **2490** mm -Cao (Height): **3235** mm
Overall dimension
Tải trọng: Số chỗ ngồi (Sit): **46** đứng (Stand): **0** nằm (Lie): **0** Hàng hoá: **0** kg
Gross weight: Seat capacity
Đăng ký xe có giá trị đến ngày tháng năm
Valid until date
Biển số đăng ký (No. Plate): **60S-4780** Đăng Nay, ngày (date) **14** tháng **10** năm **2009**
Đang ký lần đầu ngày: **14/10/2009**
Date of first registration
Trương phòng
Trung tá Đào Xuân An

1. PHƯƠNG TIỆN (VEHICLE)

Biển đăng ký: **60S-4780** Số quản lý: **6004D-010475**
(Registration Number) (Vehicle Inspection No.)
Loại phương tiện: (Type) ô tô khách
Nhân hiệu: (Mark) **HYUNDAI**
Số loại: (Model code) **AEROHISPACE**
Số máy: (Engine Number) **D6CB6119252**
Số khung: (Chassis Number) **KMJRL18TP6C004364**
Năm, Nước sản xuất: **2006, Hàn Quốc** Niên hạn SD: **2026**
(Manufactured Year and Country) (Lifetime limit to)
Kinh doanh vận tải (Commercial Use) Cải tạo (Modification)

2. THÔNG SỐ KỸ THUẬT (SPECIFICATIONS)

Công thức bánh xe: **4x2** Vết bánh xe: **2050/1860** (mm)
(Wheel Formula) (Wheel Tread)
Kích thước bao: (Overall Dimension) **12050 x 2490 x 3235** (mm)
KT khoang hành lý lớn nhất (Largest luggage container dimension)
1400x2200x550 (mm)
Chiều dài cơ sở: (Wheelbase) **6500** (mm)
Khối lượng bản thân: (Kerb mass) **11755** (kg)
Khối lượng hàng CC theo TK/CP TGGT: **0** (kg)
(Design/Authorized pay load)
Khối lượng toàn bộ theo TK/CP TGGT: **14745/14745** (kg)
(Design/Authorized total mass)
Khối lượng kéo theo TK/CP TGGT: **0** (kg)
(Design/Authorized towed mass)
Số người cho phép chở: **46** chỗ ngồi, **0** chỗ đứng, **0** chỗ nằm
(Permissible No. of Pers Carried: seat, stood place, laying place)
Loại nhiên liệu: (Type of Fuel Used) **Diesel**
Thể tích làm việc của động cơ: (Engine Displacement) **12344** (cm³)
Công suất lớn nhất/tốc độ quay: (Max. output/rpm) **235(kW)/1900(vp)**
Số sê-ri: (No.) **DB-3344050** **5FA1695F**

Số lượng lốp, cỡ lốp/trục (Number of tires; Tire size/axle)
1: 2; 12R22.5
2: 4; 12R22.5

Bình Dương, ngày 3 tháng 8 năm 2024
(Issued on: Day/Month/Year)
Số phiếu kiểm định (Inspection Report No.) **6112D-27532/24**
CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH Ô TÔ PHÚC LẬP
TRUNG TÂM ĐĂNG KÝ XE CƠ GIỚI 61-12D
(INSPECTION CENTER)
Có hiệu lực đến hết ngày (Valid until) **02/11/2024**



Có lắp thiết bị giám sát hành trình (Equipped with Tachograph)
Cố lắp camera (Equipped with camera)
Không cấp tem kiểm định (Inspection stamp was not issued)
Ghi chú:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

CÔNG AN TỈNH ĐỒNG NAI
DONG NAI PROVINCE'S PUBLIC SECURITY
PHÒNG CẢNH SÁT GIAO THÔNG
THE TRAFFIC POLICE DIVISION

ĐĂNG KÝ XE Ô TÔ
MOTOR VEHICLE REGISTRATION CERTIFICATE
Số (Number): **025941**

Mẫu 05 BH theo TT
số 01/2007/TT-BCA(C11) ngày 02/01/2007

CHỦ PHƯƠNG TIỆN, LÁI XE CẦN BIẾT

Vehicle owners, drivers are to be aware of the followings:

1. Khi tham gia giao thông phải mang theo Giấy chứng nhận kiểm định. Nộp lại Giấy chứng nhận kiểm định và Tem kiểm định khi có thông báo thu hồi của các Đơn vị đăng kiểm.

When operating a vehicle in traffic, the certificate of inspection must be displayed. Return certificate and inspection sticker when receiving a withdrawal notice from the Inspection Center.

2. Lái xe khi lưu hành qua cầu, hầm đường bộ phải tuân thủ các biển báo hiệu đường bộ đặt trước công trình.

When passing the bridges, road tunnels, drivers must comply with road warning signs put forward its.

3. Thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa nhằm duy trì tình trạng kỹ thuật của xe giữa hai kỳ kiểm định.

During two consecutive inspections, perform maintenance and repairs to maintain the vehicle's technical condition.

4. Khi có thay đổi thông tin hành chính, thông số kỹ thuật phải đến Đơn vị đăng kiểm để được hướng dẫn làm thủ tục ghi nhận thay đổi.

When roaming, transfer of vehicle ownership, renovation, modification of frame (chassis) or changing of engine No, ... the concerned Inspection Center (Vietnam Register) should be notified for instructions and the required procedures are to be followed.

5. Xe cơ giới bị tai nạn giao thông đến mức không đảm bảo an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định phải sửa chữa, khắc phục và đến Đơn vị đăng kiểm để kiểm định lại.

A motor vehicle which is damaged by accident and the requirements for technical safety and environment protection are not assured, is to be repaired and brought for re-inspection at an Inspection Center.

6. Giấy chứng nhận kiểm định không sử dụng làm căn cứ khi chuyển nhượng phương tiện.

A certificate of inspection should not be used as a basic for transferring vehicle.

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC ĐĂNG KÝ VIỆT NAM
MOT – Vietnam Register

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH
AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ

PERIODICAL INSPECTION CERTIFICATE
OF MOTOR VEHICLE FOR COMPLIANCE WITH TECHNICAL SAFETY
AND ENVIRONMENTAL PROTECTION REQUIREMENTS

No: **DB 3344050**